

Số: 80/BC-UBND

Ia Pnôn, ngày 11 tháng 6 năm 2022

BÁO CÁO

**Kết quả thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới
6 tháng đầu năm; kế hoạch nhiệm vụ 6 tháng cuối năm 2022**

PHẦN I. KẾT QUẢ THỰC HIỆN 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

1. Về công tác chỉ đạo, điều hành.

- Đã tham mưu với Ban chỉ đạo xã ban hành kế hoạch xây dựng nông thôn mới trên địa bàn xã năm 2022, kế hoạch xây dựng làng Nông thôn mới; Đồng thời, tham mưu Đảng ủy xã ban hành Nghị quyết thực hiện Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2022;

- Đã kiện toàn Ban Chỉ đạo, Ban quản lý, Ban Giám sát, Ban phát triển thôn.

- Việc rà soát, đánh giá lại các tiêu chí đạt, chưa đạt, xác định nguyên nhân, tồn tại, hạn chế, đưa ra các giải pháp thực hiện được chỉ đạo theo chuyên môn từng công chức. Xác định các nội dung, tiêu chí cần đạt trong năm 2021 và các năm tiếp theo thông qua họp Ban chỉ đạo các chương trình mục tiêu quốc gia xã.

- Đã thành lập các Tổ phụ trách thôn, làng, hộ gia đình để đẩy mạnh tuyên truyền, vận động nhân dân dọn vệ sinh nơi ở, khu dân cư, hoàn thành các tiêu chí không phụ thuộc nguồn lực nhà nước đầu tư, chỉ cần sự quan tâm, ý thức, trách nhiệm của nhân dân và cộng đồng (tiêu chí 17, tiêu chí 18...). Hướng dẫn nhân dân áp dụng khoa học - kỹ thuật vào sản xuất trồng trọt, chăn nuôi, chế biến...

- Đã chỉ đạo công chức chuyên môn phụ trách tiêu chí 9 (Nhà ở nông thôn) rà soát lại từng hộ dân có nhà tạm, dột nát, phân loại từng đối tượng thuộc hộ nghèo, cận nghèo, hộ gia đình có công cách mạng, chính sách, mới tách hộ (Có danh sách cụ thể) để có kế hoạch đầu tư, hỗ trợ cho phù hợp. Chủ động làm việc với các Doanh nghiệp, Hội, đoàn thể, nhà hảo tâm trong và ngoài huyện để giúp nhân dân xoá nhà tạm trên địa bàn trong năm 2022 và những năm tiếp theo.

2. Về công tác tuyên truyền, vận động:

- Việc tuyên truyền, vận động, hướng dẫn nhân dân thực hiện liên kết sản xuất được quan tâm như liên kết sản xuất cây ăn trái với tập đoàn Lộc Trời; thực hiện chế biến nông sản để tăng giá trị sản phẩm; tạo điều kiện thuận lợi để nhân dân đi xuất khẩu lao động; làm việc tại công ty, doanh nghiệp; làm công nhân các Công ty cao su trên địa bàn; đào tạo nghề lao động nông thôn để tăng thu nhập, xoá đói giảm nghèo.



- Việc tuyên truyền, vận động nhân dân tham gia hiến đất làm đường, đóng góp tiền, ngày công để sửa chữa nhà Rông văn hóa làng Bua.

3. Về công tác huy động nguồn lực:

* Kết quả huy động nguồn vốn ngân sách Nhà nước: trong 6 tháng đầu năm, trên địa bàn xã đã hoàn thành nhựa hóa, bê tông hóa 100% đường trục xã.

* Kết quả huy động đóng góp của doanh nghiệp, đơn vị đứng chân trên địa bàn xã:

- Huy động nguồn lực hỗ trợ hoạt động văn hóa văn nghệ, thể dục thể thao được 12 triệu đồng.

- Đã lập danh sách các hộ thiếu đất sản xuất trên địa bàn đề nghị công ty TNHH MTV 72 cho mượn đất cao su tái canh để canh tác là 81 hộ.

* Kết quả huy động nhân dân đóng góp: Đã triển khai huy động đóng góp làm đường giao thông Làng Ba, làng Bua thuộc chương trình kiên cố hóa hạ tầng giao thông và kênh mương năm 2022 (60 triệu đồng), kết quả đã thu được 44 triệu đồng.

4. Kết quả thực hiện Bộ tiêu chí:

4.1. Về tiến độ 19 tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 250/QĐ-UBND, ngày 23/3/2017 của UBND tỉnh. Tính đến 08/6/2021: Xã đạt 10/19 tiêu chí, 38/49 nội dung; Đạt thêm nội dung 2.1 so với năm 2021.

- Các tiêu chí đạt: Tiêu chí 1, tiêu chí 3, tiêu chí 4, tiêu chí 6, tiêu chí 7, tiêu chí 8, tiêu chí 12, tiêu chí 14, tiêu chí 15, tiêu chí 19.

- Các tiêu chí chưa đạt: Tiêu chí 2 (còn 02 nội dung: 2.1, 2.4); Tiêu chí 5; Tiêu chí 9; Tiêu chí 10; Tiêu chí 11; Tiêu chí 13 (còn 01 nội dung: 13.2); Tiêu chí 16; Tiêu chí 17 (Còn 01 nội dung: 17.6); Tiêu chí 18 (còn 02 nội dung: 18.1, 18.3).

(Kèm theo biểu mẫu 01)

4.2. Về tiến độ thực hiện Bộ tiêu chí thôn, làng nông thôn mới theo Quyết định 183/QĐ-UBND, ngày 17/4/2020 của UBND tỉnh, tại cthôn làng đăng ký đạt chuẩn nông thôn mới:

- Làng Triết xã Ia Pnôn đạt 16/19 tiêu chí; 45/48 nội dung; Tăng 01 nội dung so với thời điểm 31/12/2020;

- Các thôn, làng còn lại:

+ Làng Chan: Đạt 13/19 tiêu chí, 38/48 nội dung;

+ Làng Ba: Đạt 13/19 tiêu chí, 38/48 nội dung;

+ Làng Bua: Đạt 12/19 tiêu chí, 36/48 nội dung;

(Kèm theo biểu mẫu 02)

PHẦN II. KẾ HOẠCH THỰC HIỆN 6 THÁNG CUỐI NĂM 2022:

1. Kế hoạch thực hiện chỉ tiêu đăng ký năm 2022:

1.1. Đối với chỉ tiêu xã nông thôn mới:

Năm 2022, xã Ia Pnôn phấn đấu đạt thêm 01 tiêu chí và 02 nội dung, cụ thể giải pháp và dự kiến thực hiện trong thời gian tới như sau: tiêu chí 17 và 02 nội

dung thành phần gồm nội dung: 2.1 và 18.1.

* Nội dung 2.1. Đường xã và đường từ TT xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.

- Lý do chưa đạt: Còn lại 10,3 km chưa được nhựa hóa, bê tông hóa.

- Giải pháp thực hiện: Đẩy nhanh tiến độ thi công công trình tuyến đường giao thông cấp bách từ thị trấn Chư Ty đến xã Ia Nan.

- Thời gian hoàn thành: 31/12/2022.

* Tiêu chí 16 – Văn hóa:

- Lý do chưa đạt: Năm 2021, xã chỉ có 02/04 thôn, làng đạt khu dân cư văn hóa.

- Giải pháp thực hiện: Đẩy mạnh phong trào xây dựng đời sống văn hóa khu dân cư; Tiến hành cho các hộ dân ký cam kết thực hiện các tiêu chí văn hóa, tổ chức tuyên truyền, vận động nhân dân phòng chống tình trạng tảo hôn, bạo lực gia đình; Xử lý nghiêm các trường hợp gây ra tảo hôn, bạo lực gia đình.

- Thời gian hoàn thành: 31/12/2022.

* Tiêu chí 17 – Môi trường và an toàn thực phẩm:

- Lý do chưa đạt: Tiêu chí này còn lại 01 nội dung là 17.6. Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch.

- Giải pháp thực hiện: Hỗ trợ hộ nghèo, hộ cận nghèo làm nhà tiêu, bể chứa nước, nhà tắm hợp vệ sinh. Đặc biệt là đối với hộ chưa có nhà tiêu hợp vệ sinh.

- Thời gian hoàn thành: 31/12/2022.

* Đối với nội dung 18.1:

- Lý do chưa đạt: Hiện nay, cán bộ xã đã chuẩn bằng cấp chuyên môn tuy nhiên còn 04 cán bộ, công chức chưa được bồi dưỡng kiến thức lý luận chính trị và bồi dưỡng chức danh.

- Giải pháp thực hiện: Lập danh sách đề xuất UBND huyện cử các cán bộ, công chức đi bồi dưỡng chức danh, kiến thức lý luận chính trị.

- Thời gian hoàn thành: 31/12/2022.

1.2. Đối với chỉ tiêu thôn, làng nông thôn mới: Năm 2022, xã Ia Pnôn không đăng ký thôn, làng đạt chuẩn nông thôn mới, chỉ đăng ký một số nội dung của các tiêu chí làng nông thôn mới tại 04 thôn, làng trên địa bàn xã. Cụ thể như sau:

* Làng Chan: Phần đầu đạt tiêu chí 17 (Còn 02 nội dung: 17.6, 17.7) và nội dung: 2.1.

* Làng Ba: Phần đầu đạt tiêu chí 17 (Còn 02 nội dung: 17.6, 17.7).

* Làng Bua: Phần đầu đạt tiêu chí 17 (Còn 01 nội dung: 17.6) và nội dung: 2.1.

* Đối với làng Triêl: Còn 03 nội dung thuộc 03 tiêu chí rất khó đạt là tiêu chí 9, 10, 11. Chỉ nâng cao chất lượng của các chỉ tiêu, cụ thể:

- Tiêu chí 9: Tăng tỷ lệ nhà đạt chuẩn theo Bộ Xây dựng lên 35%.

- Tiêu chí 10: Tăng thu nhập bình quân đầu người lên 31 triệu đồng.

- Tiêu chí 11: Giảm tỷ lệ hộ nghèo xuống còn 28%.

* Giải pháp thực hiện: Tổ chức tuyên truyền, vận động các hộ dân không làm chuồng trại chăn nuôi gần đường giao thông, gần nhà ở. Đề xuất kinh phí hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo làm chuồng trại chăn nuôi, nhà tiêu hợp vệ sinh.

2. Về công tác tuyên truyền, vận động: Thường xuyên đôn đốc các đoàn thể phụ trách công tác tuyên truyền tại các thôn, làng theo phân công tại Quy chế hoạt động của Ban chỉ đạo, Ban quản lý, cụ thể:

+ UBMTTQVN chủ trì trong công tác tuyên truyền, vận động; Theo dõi đôn đốc các đoàn thể thực hiện nhiệm vụ;

+ Hội LHPN xã phụ trách làng Chan;

+ Đoàn Thanh niên xã phụ trách làng Ba;

+ Hội nông dân xã phụ trách làng Bua;

+ Hội cựu chiến binh xã phụ trách làng Triêl.

3. Về huy động nguồn đóng góp từ các đơn vị, cá nhân trên địa bàn xã phục vụ xây dựng nông thôn mới:

- Huy động nguồn lực từ các đơn vị đứng chân trên địa bàn, cụ thể:

STT	Địa chỉ nơi triển khai thực hiện	Nội dung cần triển khai	Số nhân công	Dự kiến thời gian	Đề xuất đơn vị	Ghi chú
1	Trên địa bàn xã Ia Pnôn	- Hỗ trợ cho hộ nghèo, hộ cận nghèo thiếu đất sản xuất mượn đất cao su tái canh để canh tác cây ngắn ngày - Hỗ trợ xây 02 nhà cho hộ nghèo	0	Tháng 4/2022	Công ty TNHH MTV 72	- Hỗ trợ đất canh tác cho 50 hộ/ 50ha - Hỗ trợ kinh phí xây nhà cho 02 hộ nghèo
2	Làng Bua, xã Ia Pnôn	Hỗ trợ, giúp đỡ 01 hộ nghèo thoát nghèo	Đơn vị cân đối	Bắt đầu từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022	Đội 12 - Công ty TNHH MTV 72	Hỗ trợ thêm các nội dung cần thiết để hộ đảm bảo điều kiện thoát nghèo
3	Làng Chan, xã Ia Pnôn	Hỗ trợ, giúp đỡ 01 hộ nghèo thoát nghèo	Đơn vị cân đối	Bắt đầu từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022	Đội 711 - Công ty TNHH MTV 72	Hỗ trợ thêm các nội dung cần thiết để hộ đảm bảo điều kiện thoát nghèo

STT	Địa chỉ nơi triển khai thực hiện	Nội dung cần triển khai	Số nhân công	Dự kiến thời gian	Đề xuất đơn vị	Ghi chú
4	Làng Ba, xã Ia Pnôn	Hỗ trợ, giúp đỡ 01 hộ nghèo thoát nghèo	Đơn vị cân đối	Bắt đầu từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022	Đội 19 - Công ty TNHH MTV 72	Hỗ trợ thêm các nội dung cần thiết để hộ đảm bảo điều kiện thoát nghèo
5	Làng Làng Triêl, xã Ia Pnôn	Hỗ trợ, giúp đỡ 01 hộ nghèo thoát nghèo	100	Bắt đầu từ tháng 01/2022 đến tháng 12/2022	Ban chỉ huy Quân sự huyện Đức Cơ	Hỗ trợ thêm các nội dung cần thiết để hộ đảm bảo điều kiện thoát nghèo
6	Làng Làng Triêl, xã Ia Pnôn	Rào vườn, cải tạo vườn tạp thuộc nội dung 9.2 của Tiêu chí 9 về Nhà ở nông thôn	26	Tháng 05/2022	Đồn Biên phòng Ia Pnôn	Hỗ trợ thêm trụ rào cho các hộ dân
7	Làng Làng Triêl, xã Ia Pnôn	Rào vườn, cải tạo vườn tạp thuộc nội dung 9.2 của Tiêu chí 9 về Nhà ở nông thôn	20	Tháng 05/2022	Tiểu đoàn huấn luyện cơ động - Bộ chỉ huy Biên phòng tỉnh Gia Lai	Hỗ trợ thêm trụ rào cho các hộ dân

- Thành lập tổ vận động tại các thôn, làng, vận động nhân dân hiến 5.400m² đất để lấy mặt bằng xây dựng đường ngõ xóm trên địa bàn xã.

PHẦN III. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT:

- Đề nghị UBND huyện xem xét đầu tư xây mới 0,9 km đường ngõ xóm trên địa bàn xã.

- Đề nghị UBND huyện chỉ đạo các phòng ban chuyên môn thường xuyên xuống xã phối hợp với UBND xã làm việc để có phương hướng từng bước đạt các nội dung, tiêu chí chưa đạt và duy trì, nâng cao các nội dung, tiêu chí đã đạt.

Nơi nhận:

- Ban chỉ đạo huyện;
- Đảng ủy xã;
- TT HĐND xã;
- UBNDTTQVN và các đoàn thể xã;
- Các Bí thư chi bộ, thôn trưởng;
- Đồn Biên phòng Ia Pnôn;
- Công ty TNHH MTV 72;
- Lưu: VT-VP.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ

KT. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Ro Lan Khuyết

PHỤ LỤC:
TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ XÃ ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022
(KÈM MẪU 01)

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
1	Quy hoạch	1.1 Có quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt và được công bố công khai đúng thời hạn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		1.2 Ban hành quy định quản lý quy hoạch chung xây dựng xã và tổ chức thực hiện theo quy hoạch.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
2	Giao thông	2.1 Đường xã và đường từ TT xã đến đường huyện được nhựa hoá hoặc bê tông hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm.	Tỷ lệ nhựa hoá hoặc bê tông hoá 100%	13,9/24,2 km = 57,4%	Chưa đạt	24,2/24,2 km = 100%	Đạt	Chưa đạt
		2.2 Đường trục thôn, làng và liên thôn, làng được cứng hoá, đảm bảo ô tô đi lại thuận tiện quanh năm	Tỷ lệ cứng hoá $\geq 70\%$	2,8/2,8km = 100%	Đạt	2,8/2,8km = 100%	Đạt	
		2.3 Đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	Đạt 100% Trong đó tỷ lệ cứng hóa $\geq 50\%$	13,3/14,2 km = 93,7% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	Chưa đạt	14,2/14,2 km = 100% đường ngõ, xóm sạch và không lầy lội vào mùa mưa.	Đạt	
		2.4. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hoá thuận tiện quanh năm.	Tỷ lệ cứng hóa $\geq 70\%$	9,8/41,2 km (23,8%)	Chưa đạt	9,8/41,2 km (23,8%)	Chưa đạt	
3	Thủy lợi	3.1 Tỷ lệ diện tích đất sản xuất nông nghiệp được tưới và tiêu nước chủ động đạt từ 80% trở lên.	Đạt	64,5/64,5 = 100%	Đạt	64,5/64,5 = 100%	Đạt	Đạt
		3.2 Đảm bảo đủ điều kiện đáp ứng yêu cầu dân sinh và theo quy định về phòng chống thiên tai tại chỗ	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
4	Điện	4.1 Hệ thống điện đạt chuẩn	Đạt	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu ngành điện	Đạt	Hệ thống điện đảm bảo yêu cầu ngành điện	Đạt	Đạt
		4.2 Tỷ lệ hộ sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện	≥98%	99% (1.153/1.165 hộ)	Đạt	99% (1.153/1.165 hộ)	Đạt	
5	Trường học	Tỷ lệ trường học các cấp: Mầm non, mẫu giáo; tiểu học; THCS có cơ sở vật chất và thiết bị dạy học đạt chuẩn Quốc gia.	≥70%	0/3 trường đạt chuẩn	Chưa đạt	0/3 trường đạt chuẩn	Chưa đạt	Chưa đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	6.1. Xã có nhà văn hóa hoặc hội trường đa năng và sân thể thao phục vụ sinh hoạt VH, TT của toàn xã.	Đạt	Đạt các chỉ tiêu của nội dung	Đạt	Đạt các chỉ tiêu của nội dung	Đạt	Đạt
		6.2 Xã có điểm vui chơi, giải trí và thể thao cho trẻ em và người cao tuổi theo quy định	Đạt	Có điểm vui chơi và thể dục cho người già, trẻ em	Đạt	Có điểm vui chơi và thể dục cho người già, trẻ em	Đạt	
		6.3 Tỷ lệ thôn, làng có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phục vụ cộng đồng.	100%	04/04 thôn có sân thể thao	Đạt	04/04 thôn có sân thể thao	Đạt	
7	Cơ sở hạ tầng thương mại nông thôn	Xã có chợ nông thôn hoặc nơi mua bán, trao đổi hàng hóa.	Đạt	Có đủ các điểm trao đổi, mua bán hàng hóa	Đạt	Có đủ các điểm trao đổi, mua bán hàng hóa	Đạt	Đạt
8	Thông tin và truyền thông	8.1 Xã có điểm phục vụ bưu chính.	Đạt	Có 01 điểm	Đạt	Có 01 điểm	Đạt	Đạt
		8.2 Xã có dịch vụ viễn thông, Internet	≥30%	Có dịch vụ viễn thông; Có 08 điểm truy cập internet	Đạt	Có dịch vụ viễn thông; Có 08 điểm truy cập internet	Đạt	
		8.3 Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn	Đạt	Có hệ thống truyền thanh, loa đến các thôn, làng	Đạt	Có hệ thống truyền thanh, loa đến các thôn, làng	Đạt	

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
		8.4 Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.	Đạt	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan	Đạt	Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành của cơ quan	Đạt	
9	Nhà ở dân cư	9.1 Nhà tạm, dột nát	Không có	13 cái nhà tạm dột nát	Chưa đạt	61 cái nhà tạm dột nát (tăng do tách hộ)	Chưa đạt	Chưa đạt
		9.2 Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt tiêu chuẩn theo quy định	$\geq 75\%$	386/956 nhà (40,4%)	Chưa đạt	430/1039 nhà (41,4%)	Chưa đạt	
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn đến năm 2020 (≥ 41 triệu đồng/người)	Lấy kết quả năm 2019 Xã vùng I, II: (≥ 41 triệu đồng). Xã vùng III: (≥ 38 triệu đồng)	28,1 triệu đồng	Chưa đạt	30,5 triệu đồng	Chưa đạt	Chưa đạt
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020.	$\leq 7\%$	$138/1.165 = 11,8\%$	Chưa đạt	$398/1.209 = 32,92\%$	Chưa đạt	Chưa đạt
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người làm có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động.	$\geq 90\%$	$3.004/3.097 = 97\%$	Đạt	$3.145/3.228 = 97,4\%$	Đạt	Đạt
13	Tổ chức sản xuất	13.1 Xã có hợp tác xã hoạt động theo đúng quy định của Luật hợp tác xã năm 2012	Đạt	Có 1 THT quản lý và khai thác CT thủy lợi xã. Nhưng chưa thành lập được HTX	Chưa đạt	Có 1 THT quản lý và khai thác CT thủy lợi xã. Nhưng chưa thành lập được HTX	Chưa đạt	Đạt
		13.2 xã có mô hình liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản chủ lực đảm bảo bền vững.	Đạt	Có liên kết sản xuất giữa người thu mua nông sản với nông dân trên địa bàn xã	Đạt	Có liên kết sản xuất giữa người thu mua nông sản với nông dân trên địa bàn xã	Đạt	

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
14	Giáo dục và đào tạo	14.1 Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục THCS	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		14.2 Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở được tiếp tục học trung học (phổ thông, bổ túc, trung cấp).	≥70%	Đạt	Đạt	54/54 em = 100%	Đạt	
		14.3 Tỷ lệ lao động có việc làm đã qua đào tạo	≥25%	1.394/3.097 = 45%	Đạt	1.466/3.228 = 45,4%	Đạt	
15	Y tế	15.1 Tỷ lệ người dân tham gia bảo hiểm y tế	≥85%	5.058/5.162 người (98%)	Đạt	5.334/5.387 người (99%)	Đạt	Đạt
		15.2 Xã đạt tiêu chí quốc gia về y tế	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		15.3 Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤31,4	29.0%	Đạt	165/567 = 29%	Đạt	
16	Văn hóa	Tỷ lệ thôn, làng đạt tiêu chuẩn văn hóa theo quy định	≥70%	Làng Ba, làng Triêl, Làng Bua (3/4 thôn = 75%) Đạt 3 năm liên tục	Đạt	Làng Ba, làng Triêl (2/4 thôn = 50%) Đạt 3 năm liên tục	Chưa đạt	Chưa đạt
		17.1 Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch hợp vệ sinh và nước sạch theo quy định về bảo vệ môi trường	≥95% ≥50% nước sạch	1.210/1.165 hộ = 96,2%	Đạt	1.171/1.209 hộ = 96,9%	Đạt	
		17.2 Tỷ lệ cơ sở sản xuất - kinh doanh, nuôi trồng thủy sản, làng nghề đảm bảo quy định .	100%	Xã không có làng Nghề, 100% hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	Xã không có làng Nghề; 55/55 hộ = 100% hộ nuôi trồng thủy sản đảm bảo quy định về bảo vệ môi trường	Đạt	
		17.3 Xây dựng cảnh quan, môi trường xanh, sạch đẹp, an toàn.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
17	Môi trường và An toàn thực phẩm	17.4 Mai táng phù hợp với phong tục tập quán, quy định chính quyền và theo quy hoạch.	Đạt	Có nghĩa trang chung của xã được phân chia khu vực chôn cất của các thôn, làng;	Đạt	Có nghĩa trang chung của xã được phân chia khu vực chôn cất của các thôn, làng;	Đạt	Chưa đạt
		17.5 Chất thải rắn trên địa bàn và nước thải khu dân cư tập trung, CSSX - KD được thu gom và xử lý theo quy định.	Đạt	Hộ gia đình chủ động dọn VS đường làng, ngõ xóm	Chưa đạt	Hộ gia đình chủ động dọn VS đường làng, ngõ xóm; Có bể chứa vỏ thuốc BVTV sau sử dụng	Đạt	
		17.6 Tỷ lệ hộ có nhà tiêu, nhà tắm, bể chứa nước sinh hoạt hợp vệ sinh và đảm bảo 3 sạch	$\geq 70\%$	437/1.065 =41%	Chưa đạt	501/1.209 =41,4%	Chưa đạt	
		17.7 Tỷ lệ hộ chăn nuôi có chuồng trại chăn nuôi đảm bảo vệ sinh môi trường	$\geq 60\%$	243/334 hộ chăn nuôi = 72,8%	Đạt	243/334 hộ chăn nuôi = 72,8%	Đạt	
		17.8 Tỷ lệ hộ gia đình và CSSX, KD thực phẩm tuân thủ các quy định về đảm bảo an toàn thực phẩm	100%	801/844 hộ = 94,9%	Chưa đạt	1.167/1.167 hộ = 100%	Đạt	
		18.1 Cán bộ, công chức xã đạt chuẩn	100%	Có 18/20 CB,CC đạt chuẩn (Chưa đạt)	Chưa đạt	Có 17/22 CB,CC đạt chuẩn (Chưa đạt)	Chưa đạt	

STT	Tiêu chí		Quy định đạt chuẩn	Tính đến 31/12/2021		Ước tính đến 10/6/2022		
				Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Thực trạng	Đánh giá ND (Đạt/ không đạt)	Đánh giá tiêu chí
18	Hệ thống chính trị và tiếp cận pháp luật	18.2 Có đủ các tổ chức trong hệ thống chính trị cơ sở theo quy định	Đạt	5/5 tổ chức	Đạt	5/5 tổ chức	Đạt	Chưa đạt
		18.3 Đảng bộ, chính quyền xã đạt tiêu chuẩn "Trong sạch, vững mạnh"	Đạt	Năm 2020: Đảng bộ xã chưa đạt "trong sạch vững mạnh"	Chưa đạt	Năm 2021: Đảng bộ xã chưa đạt "trong sạch vững mạnh"	Chưa đạt	
		18.4 Các tổ chức đoàn thể chính trị - xã hội của xã đạt loại khá trở lên	100%	Có 5/5 tổ chức	Đạt	Có 5/5 tổ chức	Đạt	
		18.5 Xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật theo quy định	Đạt	Đạt	Đạt	Không đạt, tồn tại tình trạng tảo hôn	Đạt	
		18.6 Đảm bảo bình đẳng giới và phòng chống bạo lực gia đình; bảo vệ và HT những người dễ bị tổn thương trong các lĩnh vực của GD và đời sống xã hội	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
19	Quốc phòng và An ninh	19.1 Xây dựng lực lượng dân quân "vững mạnh, rộng khắp" và hoàn thành các chỉ tiêu quốc phòng.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt
		19.2 Xã đạt chuẩn an toàn về AN, TTXH và đảm bảo bình yên; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động hoặc các tổ chức khác hoạt động chống phá Đảng, nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, nghiện hút) được kiểm chế, giảm liên tục so với các năm trước.	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	

Tính đến ngày 10/6/2022: Xã đạt 10/19 tiêu chí; 38/49 nội dung; Tăng 01 nội dung so với đầu năm 2022

PHỤ LỤC 2:
TỔNG HỢP TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN BỘ TIÊU CHÍ THÔN, LÀNG ĐẠT CHUẨN NÔNG THÔN MỚI NĂM 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2022

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Chỉ tiêu thôn, làng		Làng Chan	Làng Triết	Làng Ba	Làng Bua	Ghi chú			
			Thôn, làng ĐBK, làng ĐBDTTS	Thôn, làng còn lại	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)		Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	
I	Quy hoạch											
1	Quy hoạch	1.1. Thôn, làng xây dựng nông thôn mới phải nằm trong không gian quy hoạch xây dựng nông thôn mới của xã; vị trí địa lý, ranh giới của thôn, làng phải phù hợp với quy hoạch xây dựng nông thôn mới được duyệt	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt			
		1.2. Các công trình giao thông, văn hóa, phúc lợi ở thôn, làng cần phải được quy hoạch, có quỹ đất và được cắm mốc		Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt			
II	HẠ TẦNG KINH TẾ - XÃ HỘI:											
2	Giao thông	2.1. Đường từ trung tâm xã đến thôn, làng nông thôn mới được nhựa hóa, bê tông hóa đảm bảo đi lại thuận tiện quanh năm	100%		- Có 17,5 km đạt chuẩn/ tổng số 17,5 km (đạt 100%).	Chưa đạt	Làng không có đường trục xã đi qua nên đánh giá đạt	Đạt	- Có 0,4 km đạt chuẩn/ tổng số 0,4 km (đạt 100%).	Đạt	- Có 6,3 km đạt chuẩn/ tổng số 6,3 km (đạt 100%).	Đạt
		2.2. Đường trục thôn, làng; đường liên thôn, làng được bê tông hóa, nhựa hóa	≥ 70%	100%	- Có 0,7 km đạt chuẩn/ tổng số 0,7 km (Đạt 100%).	Đạt	Đường trục thôn của làng là đường trục xã đã được nhựa hóa nên đánh giá đạt	Đạt	- Có 0,4 km đạt chuẩn/ tổng số 0,4 km (Đạt 100%).	Đạt	- Có 0,4 km đạt chuẩn/ tổng số 0,4 km (Đạt 100%).	Đạt
		2.3. Đường nội thôn, làng phải sạch sẽ, không lầy lội vào mùa mưa, được cứng hóa và kết nối với đường trục xã	≥ 50% cứng hóa	≥ 80% cứng hóa	- Có 3,8 km đạt chuẩn/ tổng số 3,8 km (Đạt 100%).	Đạt	- Có 2,4km đạt chuẩn/ tổng số 2,4 km (Đạt 100%).	Đạt	- Có 2,8 km đạt chuẩn/ tổng số 2,8 km (Đạt 100%).	Chưa đạt	- Có 5,2 km đạt chuẩn/ tổng số 5,2 km (Đạt 100%).	Chưa đạt
		2.4. Đường ra khu sản xuất đi lại thuận tiện, không lầy lội vào mùa mưa và được cứng hóa	≥ 70% cứng hóa	≥ 80% cứng hóa	- Có 1,5 km đạt chuẩn/ tổng số 8,5 km (Đạt 17,65%).	Chưa đạt	- Có 0,7 km đạt chuẩn/ tổng số 0,7 km (Đạt 100%).	Đạt	- Có 1 km đạt chuẩn/ tổng số 4 km (Đạt 25%).	Chưa đạt	- Có 6,6km đạt chuẩn/ tổng số 7,8 km (Đạt 84,6%).	Chưa đạt
3	Thủy lợi	Nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn: Các hộ dân trong thôn, làng đảm bảo đủ nước phục vụ sản xuất kinh tế vườn	Đạt		Có 40,1 ha được tưới tiêu/tổng số 40,1 ha;	Đạt	Có 2,6 ha được tưới tiêu/tổng số 2,6 ha	Đạt	Có 1,2 ha được tưới tiêu/tổng số 1,2 ha	Đạt	Có 20,6 ha được tưới tiêu/tổng số 20,6 ha	Đạt
4	Điện	Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng điện thường xuyên, an toàn từ các nguồn điện ≥ 98%	Đạt		Có 510 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 514 hộ	Đạt	Có 87 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 89 hộ	Đạt	Có 167 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 170 hộ	Đạt	Có 495 hộ sử dụng điện an toàn/tổng số 499 hộ	Đạt
5	Trường học	Trường/điểm trường mầm non, mẫu giáo trong thôn, làng có đầy đủ cơ sở vật chất và trang thiết bị dạy học theo đúng quy định. Có các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hệ thống nước sinh hoạt, hàng rào, cổng	Đạt		Có 01 điểm trường đạt chuẩn	Đạt	Có 01 điểm trường đạt chuẩn	Đạt	Có 0 điểm trường đạt chuẩn/tổng số 01 điểm trường	Chưa đạt	Có 0 trường đạt chuẩn/tổng số 03 trường	Chưa đạt
6	Cơ sở vật chất văn hóa	Thôn, làng phải có nhà văn hóa hoặc nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao phù hợp với thiết chế văn hóa truyền thống của từng dân tộc. Nơi sinh hoạt văn hóa, thể thao của thôn, làng phải có diện tích quy hoạch, quy mô xây dựng phù hợp; có hệ thống âm thanh, trang thiết bị, các công trình phụ trợ như nhà vệ sinh, hàng rào, cổng,...; có Ban Chủ nhiệm điều hành hoạt động, được nhà nước hỗ trợ kinh phí để tổ chức và duy trì thường xuyên, hoạt động văn hóa, thể thao theo quy định	Đạt		Có nhà văn hóa; Có điểm vui chơi giải trí, nhưng đang sử dụng chung với các trường học, nhà văn hoá thôn	Đạt	Có nhà văn hóa; Có điểm vui chơi giải trí, nhưng đang sử dụng chung với các trường học, nhà văn hoá thôn	Đạt	Có nhà văn hóa; Có điểm vui chơi giải trí, nhưng đang sử dụng chung với các trường học, nhà văn hoá thôn	Đạt	Có nhà văn hóa; Có điểm vui chơi giải trí, nhưng đang sử dụng chung với các trường học, nhà văn hoá thôn	Đạt



TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thôn, làng ĐBKK, làng ĐBDTTS	Thôn, làng còn lại	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Ghi chú
7	Cơ sở hạ tầng thương mại	Thôn, làng phải có ít nhất 01 điểm mua bán trao đổi hàng hóa. UBND cấp huyện quy định cụ thể về điểm mua bán trao đổi hàng hóa theo quy định để thực hiện trên địa bàn	Đạt		Có 14 điểm trao đổi hàng hóa	Đạt	Có 02 điểm trao đổi hàng hóa	Đạt	Có 5 điểm trao đổi hàng hóa	Đạt	Có 13 điểm trao đổi hàng hóa	Đạt	
8	Thông tin và truyền thông	8.1. Thôn, làng được phủ sóng điện thoại và có thể truy nhập internet	Đạt		Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	
		8.2. Có hệ thống loa phát thanh, tất cả các hộ gia đình có thể nghe được các nội dung phát thanh hàng ngày	Đạt		Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	
9	Nhà ở và khuôn viên hộ gia đình	9.1. Trong thôn, làng không có nhà tạm, dột nát; hệ thống nhà ở trong thôn, làng phải đảm bảo 3 cứng (nền cứng, khung cứng, mái cứng), đảm bảo diện tích ở tối thiểu đạt 10 m ² /người trở lên, có các công trình phụ trợ như bếp, nhà vệ sinh,... được bố trí đảm bảo vệ sinh môi trường, thuận tiện.	Đạt		Có 14 hộ có nhà dột nát/tổng số 118 hộ	Chưa đạt	Đã xóa nhà tạm, dột nát	Đạt	Có 16 hộ có nhà dột nát/tổng số 118 hộ	Chưa đạt	Có 31 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 389 hộ	Chưa đạt	
		9.2. Nhà ở, vườn hộ phải được bố trí ngăn nắp, khoa học. Vườn hộ được trồng các loại cây có mang lại thu nhập cho người dân	Đạt		Chưa đạt	Chưa đạt	100%	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		9.3. Khuôn viên nơi ở của các hộ gia đình được chỉnh trang ngăn nắp, có công, ngõ, hàng rào; cải tạo vườn tạp, dọn cỏ dại quanh nhà, trồng cây xanh; thu gom chôn lấp rác thải, nước thải tạo cảnh quan môi trường nơi ở xanh - sạch - đẹp	Đạt		Đ	Chưa đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		9.4. Khuyến khích phát triển loại nhà ở truyền thống, kiến trúc nhà ở đặc thù của từng địa phương	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		9.5. Tỷ lệ hộ có nhà ở đạt chuẩn theo quy định của Bộ Xây dựng	≥ 75%	≥ 85%	Có 182 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 397 hộ (đạt 45,8%)	Chưa đạt	Có 16 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 52 hộ (đạt 18,6%)	Chưa đạt	Có 52 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 138 hộ (Đạt 37,7%)	Chưa đạt	Có 176 hộ có nhà đạt chuẩn/tổng số 418 hộ (Đạt 42,1%)	Chưa đạt	
III	KINH TẾ VÀ TỔ CHỨC SẢN XUẤT												
10	Thu nhập	Thu nhập bình quân đầu người giai đoạn 2019-2020	Năm 2019: 38 triệu đồng; Năm 2020: 41 triệu đồng	Năm 2019: 40 triệu đồng; Năm 2020: 45 triệu đồng	33	Chưa đạt	31	Chưa đạt	28	30	30	Chưa đạt	
11	Hộ nghèo	Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều giai đoạn 2016-2020	≤ 7%		31.02	Chưa đạt	32.18	Chưa đạt	36.05	Chưa đạt	34	Chưa đạt	
12	Lao động có việc làm	Tỷ lệ người có việc làm trên dân số trong độ tuổi lao động có khả năng tham gia lao động của thôn, làng	≥ 90%		Có 1.131 người có việc làm/tổng dân số 1.158 LĐ trong độ tuổi lao động (Đạt 97,6%)	Đạt	Có 220 người có việc làm/tổng dân số 227 LĐ trong độ tuổi lao động (Đạt 97,1%)	Đạt	Có 530 người có việc làm/tổng dân số 546 LĐ trong độ tuổi lao động (Đạt 97,2%)	Đạt	Có 1.264 người có việc làm/tổng dân số 1.297 LĐ trong độ tuổi lao động (Đạt 97,4%)	Đạt	
13	Tổ chức sản xuất	13.1. Có Tổ hợp tác được thành lập theo quy định và hoạt động có hiệu quả	Đạt		Chưa có	Chưa đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	
		13.2. Có mô hình liên kết sản xuất, kinh doanh tập trung, hiệu quả, gắn với liên kết vùng nguyên liệu của thôn, làng theo định hướng của Chương trình Mỗi xã một sản phẩm hoặc mô hình phát triển du lịch cộng đồng	Đạt		Chưa có	Chưa đạt	Có	Đạt	Chưa có	Chưa đạt	Có	Đạt	

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thôn, làng ĐBKK, làng ĐBDTTS	Thôn, làng còn lại	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Ghi chú
IV	VĂN HÓA - XÃ HỘI - MÔI TRƯỜNG												
14	Giáo dục và đào tạo	14.1. Phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ em 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi; phổ cập giáo dục trung học cơ sở:			Đã phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	Đạt	Đã phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	Đạt	Đã phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	Đạt	Đã phổ cập giáo dục mầm non cho trẻ 5 tuổi, xóa mù chữ, phổ cập giáo dục tiểu học đúng độ tuổi	Đạt	
		- Đạt chuẩn phổ cập giáo dục mầm non trẻ 5 tuổi:											
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi đến lớp	≥ 90%	≥ 90%	96		97		94.3		96.5		
		+ Tỷ lệ trẻ em 5 tuổi hoàn thành chương trình giáo dục mầm non	≥ 80%	≥ 85%	96%		95%		95%		94%		
		- Đạt phổ cập giáo dục tiểu học mức độ 2:											
		+ Tỷ lệ trẻ em 6 tuổi vào lớp 1 đạt	≥ 90%	≥ 90%	94%		95%		92%		93%		
		+ Tỷ lệ trẻ em đến 14 tuổi hoàn thành chương trình tiểu học	≥ 70%	≥ 80%	85%		86%		81%		80%		
		- Đạt phổ cập THCS mức độ 2: Tỷ lệ thanh niên, thiếu niên trong độ tuổi từ 15 đến 18 tuổi tốt nghiệp trung học cơ sở	≥ 80%	≥ 90%	93%		94%		92%		91%		
		14.2. Tỷ lệ học sinh tốt nghiệp trung học cơ sở của thôn, làng được tiếp tục học trung học phổ thông, bổ túc, học nghề	≥ 70%		85%	Đạt	86%	Đạt	83%	Đạt	87%	Đạt	
		14.3. Tỷ lệ lao động của thôn, làng có việc làm đã qua đào tạo nghề	≥ 25%		45.60%	Đạt	45.10%	Đạt	45%	Đạt	45.3%	Đạt	
15	Y tế	15.1. Tỷ lệ người dân trong thôn, làng tham gia các loại hình bảo hiểm y tế	≥ 85%	≥ 90%	96%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	
		15.2. Thôn, làng có 01 nhân viên y tế được đào tạo về chuyên môn y tế ít nhất 3 tháng và đang hoạt động.	Đạt		Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	Có	Đạt	
		15.3. Tỷ lệ trẻ em dưới 1 tuổi được tiêm chủng đầy đủ các loại vắc xin trong chương trình tiêm chủng mở rộng	≥ 97%		100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	100%	Đạt	
		15.4. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi của thôn, làng bị suy dinh dưỡng thể thấp còi (chiều cao theo tuổi)	≤ 31,4%	≤ 30%	29.10%	Đạt	20.30%	Đạt	26.10%	Đạt	29%	Đạt	
16	Văn hóa	Thôn, làng phải đạt chuẩn văn hóa theo quy định	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Chưa đạt	Chưa đạt	
		17.1. Tỷ lệ hộ trong thôn, làng được sử dụng nước hợp vệ sinh và nước sạch	≥ 95% nước HVS và ≥ 50% nước sạch		96.70%	Đạt	97.70%	Đạt	97.70%	Đạt	96.50%	Đạt	

[illegible]

TT	Tên tiêu chí	Nội dung tiêu chí	Thôn, làng ĐBK, làng ĐBDTTS	Thôn, làng còn lại	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Thực trạng đến 10/6/2022	Đánh giá (Đạt/ không đạt)	Ghi chú
19	Quốc phòng và an ninh	19.2. An ninh: trật tự xã hội trên địa bàn thôn, làng bình yên; không có tụ điểm phức tạp về trật tự xã hội; không để hình thành, phục hồi các tổ chức phản động; không để xảy ra các hoạt động chống phá Đảng, Nhà nước; không có khiếu kiện đông người kéo dài; không để xảy ra trọng án; tội phạm và tệ nạn xã hội (ma túy, trộm cắp, cờ bạc, người nghiện) được kiểm chế giảm so với năm trước; Công an viên, lực lượng an ninh thôn, làng được củng cố vững mạnh, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, không vi phạm pháp luật, không bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên; Các mô hình, tổ chức quần chúng làm công tác đảm bảo ANTT tại thôn, làng hoạt động thường xuyên, có hiệu quả.	Đạt		Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	Đạt	
		TỔNG HỢP			Đạt 13 Tiêu chí, 36 Nội dung		Đạt 16 Tiêu chí, 45 Nội dung		Đạt 13 Tiêu chí, 36 Nội dung		Đạt 13 Tiêu chí, 37 Nội dung		